

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 471/2023/DS-PT
Ngày: 20-4-2023.
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Diệp.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Bá Thịnh.
Ông Lê Ngọc Tường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thuỳ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Như Khương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 405/2022/TLPT-DS ngày 19/11/2022 “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 507/2022/DS-ST ngày 15/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 771/2023/QĐ-PT ngày 01/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 3708/2023/QĐ-PT ngày 29/3/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ; địa chỉ: A P, Phường C, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp: Ông Đinh Trần Vũ A, sinh năm 1991- đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 28/4/2022) (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Chu Đăng D, sinh 1965; Địa chỉ: B ấp M, xã T, Huyện H, Thành Phố Hồ Chí Minh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn trình bày:

Ngày 16/10/2008 Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và bị đơn ông Chu Đăng D ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, mã hợp đồng CC0801176 có số tài khoản 0800003077, hạn mức 10.000.000 đồng, mục đích sử dụng thẻ để tiêu dùng cá nhân, thời hạn 12 tháng. Ngày 25/10/2008, ông D rút tiền mặt số tiền 9.600.000 đồng. Sau đó ông D đóng được 1.000.000 đồng rồi ngưng. Ngày 30/9/2009 phía Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đã chuyển toàn bộ dư nợ thẻ tín dụng sang nợ quá hạn. Các khoản nợ của ông D, tạm tính đến ngày 09/6/2022 gồm: Nợ gốc 9.600.000 đồng; phí phạt: 186.130.000 đồng; nợ lãi: 30.625.120 đồng. Tổng cộng: 226.355.129 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Chu Đăng D phải thanh toán ngay số tiền 226.355.129 đồng, bao gồm: Nợ gốc 9.600.000 đồng; phí phạt: 186.130.000 đồng; nợ lãi 30.625.120 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 10/6/2022 theo hợp đồng thẻ tín dụng, mã hợp đồng CC0801176 có số tài khoản 0800003077 cho đến khi ông D thanh toán xong số tiền nêu trên.

2. Bị đơn trình bày: Ông có ký kết hợp đồng thẻ tín dụng, mã hợp đồng CC0801176 có số tài khoản 0800003077 với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông rút tiền mặt 9.600.000 đồng và ông có nộp lại 01 kỳ 1.000.000 đồng rồi ngưng đến nay.

Ngày 27/6/2022, ông Chu Đăng D có đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu, xác định tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đ và ông D đã hết thời hiệu khởi kiện.

3. Bản án số 507/2022/DS-ST ngày 15/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

Buộc ông Chu Đăng D trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền 9.600.000 đồng nợ gốc theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 000801176 có số tài khoản 0800003077 ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Đình chỉ yêu cầu buộc bị đơn thanh toán phí phạt và lãi trong hạn, lãi quá hạn.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thanh toán, án phí, quyền kháng cáo.

4. Ngày 23/8/2022, Ngân hàng TMCP Đ kháng cáo, đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

5. Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

- Bị đơn đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về hình thức: đơn kháng cáo của nguyên đơn trong thời hạn luật định. Quá trình tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Tại phiên toà phúc thẩm. Nguyên đơn yêu cầu xem xét xác định lại thời hiệu khởi kiện kể từ thời điểm bị đơn thừa nhận tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại cấp sơ **thẩm ngày 09/6/2022**. Xét thấy, nếu có việc thừa nhận nợ để xác định lại thời hiệu thì việc xác nhận phải được xác lập trước thời điểm nộp đơn khởi kiện. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của **Ngân hàng TMCP Đ** nộp trong thời hạn, đương sự đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn, phù hợp quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Bản án sơ thẩm số 507/2022/DS-ST ngày 15/8/2022 của Toà án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Nguyên đơn kháng cáo cho rằng tại Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 09/6/2022 tại cấp sơ thẩm ông **D** đã thừa nhận có nợ gốc và lãi trong hạn 90 tháng. Do đó, thời hiệu khởi kiện của vụ án được bắt đầu lại từ ngày 09/6/2022.

Xét thấy, Điều 150 Bộ luật Dân sự quy định:

“1. Thời hiệu hưởng quyền dân sự là thời hạn mà khi kết thúc thời hạn đó thì chủ thể được hưởng quyền dân sự.

2. Thời hiệu miễn trừ nghĩa vụ dân sự là thời hạn mà khi kết thúc thời hạn đó thì người có nghĩa vụ dân sự được miễn việc thực hiện nghĩa vụ.

3. Thời hiệu khởi kiện là thời hạn mà chủ thể được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện.

4. Thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự là thời hạn mà chủ thể được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, pháp nhân, lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền yêu cầu”.

Theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì: “Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp chấp nhận hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”.

Như vậy, việc xác định thời hiệu được tính từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, cho đến thời điểm khởi kiện. Nếu trong quá trình này, bên có nghĩa vụ thừa nhận toàn bộ hoặc thừa nhận một phần thì thời hiệu khởi kiện được tính lại. Nguyên đơn cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã thừa nhận nợ nên được tính lại từ thời điểm đó là sai lầm trong nhận thức pháp luật.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì: “Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc”.

Ngày 27/6/2022, ông **Chu Đăng D** có đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu và Tòa sơ thẩm đã áp dụng thời hiệu đối với tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” và căn cứ khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Công văn số 02/TANDTC-PC ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao để xem xét giải quyết tranh chấp “Đòi lại tài sản” buộc trả nợ gốc là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, không vượt quá yêu cầu ban đầu. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo của **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.**

2. Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.** Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 507/2022/DS-ST ngày 15/8/2022 của Toà án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1. Buộc ông **Chu Đăng D** có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ** số tiền 9.600.000 đồng nợ gốc theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số 000801176 có số tài khoản 0800003077 ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp ông **Chu Đăng D** chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ** thì ông **Chu Đăng D** phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự là 20%/năm trên số tiền phải hoàn trả; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 10%/năm.

2.2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ** về yêu cầu ông **D** phải trả số tiền lãi trong hạn, quá hạn (tạm tính đến ngày 09/6/2022) là 30.625.120 đồng, phí phạt: 186.130.009 đồng và tiền trả lãi số tiền trên từ ngày 10/6/2022 cho đến khi ông **D** trả xong toàn bộ số tiền nợ nêu trên theo thẻ tín dụng số 000801176 có số tài khoản 0800003077.

3. Án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông **Chu Đăng D** phải chịu 480.000 đồng.

- Hoàn trả cho **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ** số tiền tạm ứng án phí 5.200.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0038433 ngày 17/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ** phải chịu 300.000 đồng và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0040053 ngày 26/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền và nghĩa vụ của đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Diệp